BỘ CÔNG THƯƠNG

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**NGÀNH {ten\_nganh\_kiem\_dinh.toUpperCase()}**

**{ten\_he\_dao\_tao.toUpperCase()}**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo**

**của {ten\_bo\_tieu\_chuan}**

*“Hồ sơ đề nghị thẩm định và công nhận kết quả đánh giá chất lượng CTĐT”*

**Hà nội, {nam\_kiem\_dinh}**

BỘ CÔNG THƯƠNG

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**NGÀNH {ten\_nganh\_kiem\_dinh.toUpperCase()}**

**{ten\_he\_dao\_tao.toUpperCase()}**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo**

**của {ten\_bo\_tieu\_chuan}**

*“Hồ sơ đề nghị thẩm định và công nhận kết quả đánh giá chất lượng CTĐT”*

**Hà nội, {nam\_kiem\_dinh}**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH {ten\_nganh\_kiem\_dinh} {ten\_he\_dao\_tao}**

(kèm theo Quyết định số {so\_quyet\_dinh} {ngay\_quyet\_dinh\_thanh\_lap} của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

{HTML list\_thanh\_vien\_doan\_danh\_gia\_html}

**MỤC LỤC**

[DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT 7](#_Toc144815682)

[SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ, BẢNG 8](#_Toc144815683)

[PHẦN I. KHÁI QUÁT 9](#_Toc144815684)

[1. Đặt vấn đề 9](#_Toc144815685)

[2. Tổng quan chung 12](#_Toc144815686)

[PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ 19](#_Toc144815687)

[Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo 19](#_Toc144815688)

[Mở đầu 19](#_Toc144815689)

[Tiêu chí 1.1. 19](#_Toc144815690)

[Tiêu chí 1.2. 22](#_Toc144815691)

[Tiêu chí 1.3. 24](#_Toc144815692)

[Kết luận về tiêu chuẩn 1 27](#_Toc144815693)

[Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo 27](#_Toc144815694)

[Mở đầu 27](#_Toc144815695)

[Tiêu chí 2.1 28](#_Toc144815696)

[Tiêu chí 2.2. 32](#_Toc144815697)

[Tiêu chí 2.3. . 34](#_Toc144815698)

[Kết luận về tiêu chuẩn 2. 37](#_Toc144815699)

[Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học 37](#_Toc144815700)

[Mở đầu 37](#_Toc144815701)

[Tiêu chí 3.1. 38](#_Toc144815702)

[Tiêu chí 3.2. . 42](#_Toc144815703)

[Tiêu chí 3.3. 44](#_Toc144815704)

[Kết luận về tiêu chuẩn 3. 48](#_Toc144815705)

[Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học 49](#_Toc144815706)

[Mở đầu 49](#_Toc144815707)

[Tiêu chí 4.1. 49](#_Toc144815708)

[Tiêu chí 4.2 51](#_Toc144815709)

[Tiêu chí 4.3: . 54](#_Toc144815710)

[Kết luận về tiêu chuẩn 4. 57](#_Toc144815711)

[Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả của người học 58](#_Toc144815712)

[Mở đầu 58](#_Toc144815713)

[Tiêu chí 5.1 58](#_Toc144815714)

[Tiêu chí 5.2 62](#_Toc144815715)

[Tiêu chí 5.3 64](#_Toc144815716)

[Tiêu chí 5.4. . 68](#_Toc144815717)

[Tiêu chí 5.5. 70](#_Toc144815718)

[Kết luận về tiêu chuẩn 5 71](#_Toc144815719)

[Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên 71](#_Toc144815720)

[Mở đầu 71](#_Toc144815721)

[Tiêu chí 6.1 72](#_Toc144815722)

[Tiêu chí 6.2 75](#_Toc144815723)

[Tiêu chí 6.3 78](#_Toc144815724)

[Tiêu chí 6.4 . 81](#_Toc144815725)

[Tiêu chí 6.5 85](#_Toc144815726)

[Tiêu chí 6.6 87](#_Toc144815727)

[Tiêu chí 6.7 89](#_Toc144815728)

[Kết luận về Tiêu chuẩn 6 93](#_Toc144815729)

[Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên 94](#_Toc144815730)

[Mở đầu 94](#_Toc144815731)

[Tiêu chí: 7.1 94](#_Toc144815732)

[Tiêu chí 7.2. . 96](#_Toc144815733)

[Tiêu chí 7.3. 97](#_Toc144815734)

[Tiêu chí 7.4 99](#_Toc144815735)

[Tiêu chí 7.5 100](#_Toc144815736)

[Kết luận về tiêu chuẩn 7 102](#_Toc144815737)

[Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học 103](#_Toc144815738)

[Mở đầu 103](#_Toc144815739)

[Tiêu chí 8.1 104](#_Toc144815740)

[Tiêu chí 8.2 105](#_Toc144815741)

[Tiêu chí 8.3 107](#_Toc144815742)

[Tiêu chí 8.4 109](#_Toc144815743)

[Tiêu chí 8.5 113](#_Toc144815744)

[Kết luận về tiêu chuẩn 8: 116](#_Toc144815745)

[Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị.117](#_Toc144815746)

[Mở đầu 117](#_Toc144815747)

[Tiêu chí 9.1 117](#_Toc144815748)

[Tiêu chí 9.2. 119](#_Toc144815749)

[Tiêu chí 9.3 121](#_Toc144815750)

[Tiêu chí: 9.4 123](#_Toc144815751)

[Tiêu chí 9.5 125](#_Toc144815752)

[Kết luận tiêu chuẩn 9 128](#_Toc144815753)

[Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng. 128](#_Toc144815754)

[Mở đầu 128](#_Toc144815755)

[Tiêu chí 10.1 129](#_Toc144815756)

[Tiêu chí 10.2 131](#_Toc144815757)

[Tiêu chí 10.3 134](#_Toc144815758)

[Tiêu chí 10.4 136](#_Toc144815759)

[Tiêu chí 10.5 138](#_Toc144815760)

[Tiêu chí 10.6 141](#_Toc144815761)

[Kết luận về tiêu chuẩn 10 143](#_Toc144815762)

[Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra 144](#_Toc144815763)

[Mở đầu 144](#_Toc144815764)

[Tiêu chí 11.1 . 144](#_Toc144815765)

[Tiêu chí 11.2 148](#_Toc144815766)

[Tiêu chí 11.3 151](#_Toc144815767)

[Tiêu chí 11.4 153](#_Toc144815768)

[Tiêu chí 11.5 156](#_Toc144815769)

[Kết luận về tiêu chuẩn 11 158](#_Toc144815770)

[PHẦN III. KẾT LUẬN 159](#_Toc144815772)

[PHẦN IV. CÁC PHỤ LỤC 171](#_Toc138773047)

# DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

|  |  |
| --- | --- |
| CBHD | Cán bộ hướng dẫn |
| CBQL | Cán bộ quản lý |
| CBVC | Cán bộ viên chức |
| CĐR | Chuẩn đầu ra |
| CLB | Câu lạc bộ |
| CSDL | Cơ sở dữ liệu |
| CT&CTSV | Chính trị và Công tác sinh viên |
| CTDH | Chương trình dạy học |
| CTĐT | Chương trình đào tạo |
| CVHT | Cố vấn học tập |
| ĐBCL | Đảm bảo chất lượng |
| ĐCCTHP | Đề cương chi tiết học phần |
| ĐH KT-KT CN | Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp |
| GD&ĐT | Giáo dục và Đào tạo |
| GV | Giảng viên |
| KQHT | Kết quả học tập |
| KT - XH | Kinh tế - Xã hội |
| KT&ĐBCL | Khảo thí và Đảm bảo chất lượng |
| KTĐG | Kiểm tra đánh giá |
| NCKH | Nghiên cứu khoa học |
| NCS | Nghiên cứu sinh |
| PPGD | Phương pháp giảng dạy |
| SV | Sinh viên |
| TS&TT | Tuyển sinh và Truyền thông |
| UNETI | University of Economics – Technology for Industries (Trường ĐH Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp) |

# 

# SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ, BẢNG

|  |  |
| --- | --- |
| Tên bảng | Trang |
|  |  |

# PHẦN I. KHÁI QUÁT

# 1. Đặt vấn đề

**a. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ngành {ten\_nganh\_kiem\_dinh} {ten\_he\_dao\_tao}**

**\* Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá**

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành {ten\_nganh\_kiem\_dinh}({ten\_viet\_tat\_ctdt}) trình độ đại học bao gồm 04 phần:

Phần I: Khái quát cấu trúc và nội dung chính của báo cáo theo các tiêu chuẩn và giải thích phương pháp mã hóa minh chứng đồng thời mô tả gắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp, công cụ; tóm tắt về sứ mạng tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách chất lượng và hoạt động ĐBCL của Trường ĐH KT- KT CN và Khoa;

Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, cho từng tiêu chí với các tiểu mục là: 1/ Mô tả mức độ đáp ứng của CTĐT so với yêu cầu nội hàm của tiêu chí kèm theo các minh chứng; 2/Nêu những điểm mạnh của CTĐT theo nội dung của tiêu chí; 3/Điểm tồn tại; 4/Kế hoạch hành động và 5/Tự đánh giá;

Phần III: Kết luận các vấn đề về tự đánh giá CTĐT ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} {ten\_he\_dao\_tao} tổng hợp các điểm mạnh, điểm tồn tại và đưa ra các giải pháp, kế hoạch hành động khắc phục tồn tại.

Phần IV: Phụ lục, bao gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo thông tư 04/2016, CSDL kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định và văn bản liên quan khác, danh mục minh chứng.

**\* Nội dung chính của báo cáo tự đánh giá**

Nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} {ten\_he\_dao\_tao} theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do {ten\_bo\_tieu\_chuan} ban hành. CTĐT ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} {ten\_he\_dao\_tao} được đánh giá dựa trên {so\_luong\_tieu\_chuan} tiêu chuẩn, với {so\_luong\_tieu\_chi} tiêu chí.

**\* Quy tắc đánh mã minh chứng**

Mỗi tiêu chí sẽ có một hệ thống các thông tin, minh chứng đi kèm. Mã thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có nhất 09 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, hai dấu chấm và 5 chữ số; phân cách theo công thức sau: Hab.c.de; Trong đó:

H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp)

ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 và 11 viết là 10, 11)

c: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 1, tiêu chí 7 viết 7)

de: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ: H01.1.03: là MC thứ ba của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1

**b. Mục đích, phạm vi và quy trình tự đánh giá**

**\* Mục đích tự đánh giá**

Chất lượng CTĐT đóng một vai trò quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của một ngành đào tạo nói chung và ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} {ten\_he\_dao\_tao} nói riêng. Trước xu thế hội nhập, tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và nhu cầu về nguồn nhân lực có chất lượng cao trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, việc đảm bảo, duy trì, nâng cao chất lượng CTĐT càng trở nên có ý nghĩa. Trong nhiều năm qua, trường ĐH KT-KT CN đã luôn nỗ lực áp dụng nhiều biện pháp nhằm duy trì, nâng cao chất lượng CTĐT ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} {ten\_he\_dao\_tao}. Vì vậy, khi có chủ trương và các hướng dẫn về công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT, đã đề xuất Nhà trường cho phép chủ động thực hiện các nội dung, hoạt động tự đánh giá CTĐT ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} {ten\_he\_dao\_tao}.

Việc tự đánh giá CTĐT sẽ giúp tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} {ten\_he\_dao\_tao} từ đó góp phần xây dựng triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến nâng cao chất lượng CTĐT, điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn phát triển tiếp theo. Đây cũng là điều kiện cần thiết để Trường ĐH KT-KT CN đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT, thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và các dịch vụ xã hội khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

**\* Công cụ tự đánh giá**

Thực hiện đánh giá tổng thể các hoạt động theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐH của …

**\* Quy trình tự đánh giá**

Quy trình tự đánh giá được thực hiện theo các bước được quy định trong Công văn số 2085/ QLCL-KĐCL ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng, cụ thể như sau:

Bước 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} {ten\_he\_dao\_tao}.

Bước 2. Lập kế hoạch tự đánh giá

Bước 3. Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng

Bước 4. Viết báo cáo tự đánh giá

Bước 5. Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá

Bước 6. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Quá trình viết báo cáo tự đánh giá được thực hiện từ tháng 03 năm 2023 đến tháng 8 năm 2023. Sau khi có quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} {ten\_he\_dao\_tao} (theo Quyết định số {so\_quyet\_dinh} ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Hiệu trưởng trường ĐH KT-KT CN), Nhà trường đã ban hành kế hoạch tự đánh giá CTĐT ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} {ten\_he\_dao\_tao}; thành lập ban thư ký và các cán bộ phụ trách tiêu chuẩn, cụ thể:

{html phan\_cong\_tieu\_chuan\_html}

Tiếp đó, Nhà trường đã tổ chức cho toàn thể GV của tham gia tập huấn viết báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} {ten\_he\_dao\_tao} theo quy định, tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT. Sau tập huấn, đã triển khai kế hoạch tự đánh giá với sự tham gia của toàn thể cán bộ GV và người học theo sự phân công của hội đồng tự đánh giá, cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn.

Phần tự đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chuẩn từ 1 đến 11. Trong từng tiêu chuẩn, các đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chí. Trong mỗi tiêu chí lại trình bày theo các nội dung chính: 1. Mô tả hiện trạng; 2. Điểm mạnh; 3. Điểm tồn tại; 4. Kế hoạch hành động; 5. Tự đánh giá.

# 2. Tổng quan chung

**a. Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.**

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (ĐH KT-KT CN) được thành lập theo Quyết định số 1026/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp I (Tiền thân là Trường Trung cấp kỹ thuật III ra đời từ năm 1956). Trải qua 65 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép hoạt động theo cơ chế tự chủ (Quyết định số 618/QĐ-TTg ngày 8/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của trường ĐH KT-KT CN). Trong quá trình xây dựng và phát triển, Trường ĐH KT-KT CN đã đóng góp nguồn nhân lực đáng kể cho sự phát triển KT - XH của đất nước.

Sứ mạng của Trường là “ Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp là cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hoạt động theo cơ chế tự chủ; thực hiện các chức năng giáo dục - đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng đáp ứng mục tiêu xã hội và yêu cầu Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước”.

Mục tiêu của Trường là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học và sau đại học, đảm bảo người học phát triển một cách toàn diện: có phẩm chất chính trị, đạo đức, có thái độ lao động tốt; có ý thức phục vụ cộng đồng và khả năng tham gia vào các hoạt động xã hội; có kiến thức chuyên môn, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên xã hội; có kỹ năng thành thạo; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế tri thức trong bối cảnh cả thế giới đang bước sang cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Tầm nhìn của Trường đến năm 2030 trở thành trường đại học định hướng ứng dụng uy tín, nằm trong nhóm các trường đại ứng dụng hàng đầu của cả nước.

Để thực hiện thành công sứ mạng, mục tiêu và tầm nhìn của Trường, Nhà trường đã xác định rõ chính sách chất lượng trong quy định về công tác ĐBCL của Trường. Đồng thời, Trường đã xây dựng một mạng lưới ĐBCL đến các khoa. Cùng với đó, Trường đã và đang áp dụng nhiều biện pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện Tự đánh giá và đăng ký Đánh giá ngoài tất cả các CTĐT khi đủ điều kiện.

Về cơ cấu tổ chức: Hội đồng trường thành lập theo Quyết định số 2518/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 28/9/2020; BGH bao gồm: Hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng; các đơn vị chức năng: 9 phòng, 06 Trung tâm, 15 Khoa và 01 Tạp chí KHCN.

Về nhân lực: Nhà trường có 678 giảng viên (GV) cơ hữu, trong đó: PGS và Tiến sĩ: 79 người (chiếm 11,7%), Thạc sĩ: 508 người (chiếm 74,9%) còn lại là GV đang học cao học. Ngoài ra, cũng có 120 GS, PGS, TS, ThS và kỹ sư có kinh nghiệm của các trường đại học, các viện và DN tham gia thỉnh giảng. Nhiều GV của Nhà trường là những chuyên gia có uy tín trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, đã tham gia các Hội đồng tư vấn, Hội đồng nghiệm thu cấp Sở, Bộ, Nhà nước

Về đào tạo: Trường đang đào tạo 24 CTĐT bậc đại học, 03 CTĐT bậc thạc sỹ. Trường đã cung cấp cho thị trường lao động cử nhân các ngành Kế toán; Quản trị kinh doanh; Tài chính Ngân hàng; Kinh doanh thương mại; CNKT Điều khiển và Tự động hóa; Công nghệ thực phẩm; Điện tử viễn thông; Điện, Điện tử; Cơ – Điện tử; Công nghệ thông tin; Công nghệ Dệt, may… Thương hiệu của Nhà trường luôn được giữ vững và ngày càng tăng cao, kết quả tuyển sinh luôn đạt chỉ tiêu cho phép và đến nay nguồn tuyển sinh vẫn đang rất dồi dào. Quy mô người học của Trường hiện nay trên 16756 SV.

Về khoa học công nghệ: Trong giai đoạn 2018 – 2023, Trường đã hoàn thành: 01 đề tài cấp Nhà nước; 13 đề tài cấp Bộ, Sở; 401 đề tài cấp cơ sở; 413 đề tài NCKH cơ sở của sinh viên (SV), các kết quả nghiên cứu được ứng dụng có hiệu quả trong công tác của Nhà trường và phục vụ cho sản xuất tại một số địa phương, Nhà trường đã có 16 bài ISI, 86 bài Scopus, 220 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế khác và 34 bài báo đăng trên hội thảo quốc tế, 1.454 bài báo đăng trên tạp chí trong nước, 397 bài báo đăng trên hội thảo trong nước. Trong 5 năm qua tạp chí KHCN của Nhà trường đã xuất bản được 21 số, trong đó: các bài thuộc khối Kinh tế được tính 0,5 điểm, liên ngành hóa học – công nghệ thực phẩm được tính 0,5 điểm, liên ngành cơ khí - động lực được tính 0,25 điểm.

Về hợp tác quốc tế: Nhà trường đã thúc đẩy việc mở rộng hợp tác với các đối tác quốc tế; ký kết biên bản ghi nhớ, biên bản thỏa thuận hợp tác với các viện, các trường đại học uy tín của Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, CHLB Nga; phát triển, tổ chức, định hướng xây dựng các chương trình liên kết đào tạo, trao đổi GV, SV, trao đổi học thuật, NCKH, giao lưu văn hóa. Bên cạnh đó, việc trao đổi hợp tác với các doanh nghiệp (DN) trong và ngoài nước luôn được chú trọng. Nhà trường đã triển khai truyền thông các chương trình học bổng du học tại Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, các chương trình học bổng thực tập có hưởng lương của các DN Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Đức, và các chương trình học bổng hiệp định tại các nước CHLB Nga, Belarus, Hungary, Bulgaria, Ba Lan, Trung Quốc, CHDC Lào và Vương quốc Campuchia định kỳ hàng năm tới các GV và SV của Nhà trường.

Về đảm bảo chất lượng: Nhà trường đã có Hội đồng ĐBCL, Phòng KT&ĐBCL là bộ phận thường trực của Hội đồng. Kế hoạch ĐBCL được xây dựng hàng năm, tập trung vào hai hoạt động chính: Triển khai đánh giá chất lượng CSGD và chất lượng CTĐT. Năm học 2022 – 2023, Nhà trường đã hoàn thành công tác tự đánh giá, ĐGN và đã được cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CSGD chu kỳ 2 theo bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ GD&ĐT. Giai đoạn 2019 -2022, Nhà trường đã được cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn lượng cho 11 CTĐT theo bộ tiêu chuẩn ban hành theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT. Tập thể Nhà trường và cá nhân đã được nhận Bằng khen của Bộ GD&ĐT và Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng việt Nam về công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục.

Về cơ sở vật chất:Trường hiện có 2 cơ sở đào tạo tại Nam Định và Hà Nội. Tại cơ sở Nam Định có 2 địa điểm gồm: 353 Trần Hưng Đạo và ở phường Mỹ Xá. Tại cơ sở Hà Nội có 2 địa điểm gồm: 456 Minh Khai, quận Hai Bà Trưng và ở phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai với tổng diện tích là: 288.997 m2, có 47.503 m2 diện tích sàn sử dụng . Nhà trường đã đầu tư mua sắm thêm các trang thiết bị hiện đại cho các phòng thực hành, thí nghiệm và đang từng bước hoàn thiện hệ thống sân vườn, cảnh quan của cả 2 cơ sở Hà Nội và Nam Định.

Trường ĐH KT-KT CN đã được Đảng, Nhà nước và các cấp bộ, ngành ghi nhận và tặng th­ưởng nhiều phần thưởng cao quý: 01 Huân chương Hồ Chí Minh (2016), 02 Huân chương Độc lập hạng Nhất (năm 2011; năm 2005), 01 hạng Nhì (năm 2001), 01 hạng Ba (năm 1996), 2 Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 1985, năm 1992), 01 hạng Nhì (năm 1981) và 02 hạng Ba (năm 1960, năm 1962). Huân chương Tự do hạng Nhất của nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào (năm 1981) và rất nhiều cờ thưởng, bằng khen của các cấp, các ngành… Công đoàn Trường đã được tặng th­ưởng Huân chương Lao động hạng Ba (năm 2005); Đoàn Thanh niên được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 2004) và hạng Ba (năm 1999), ...

**b. Khoa {ten\_khoa\_kiem\_dinh}.**

# Sứ mạng, tầm nhìn

…

# Chức năng

…

# Nhiệm vụ

…

# PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

{html danh\_gia\_tieu\_chuan\_tieu\_chi\_html}

# PHẦN III. KẾT LUẬN

Trường ĐH KT-KT CN đã tiến hành công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} một cách nghiêm túc, đúng quy định, đảm bảo kết quả tự đánh giá chính xác, phản ánh đúng thực trạng chất lượng CTĐT của ngành đào tạo.

Thông qua việc tự đánh giá CTĐT {ten\_viet\_tat\_ctdt}, Nhà trường và Khoa đã đúc rút đầy đủ những điểm mạnh và điểm tồn tại trong từng mặt hoạt động, trên cơ sở đó lập kế hoạch hành động, tiếp tục phát huy điểm mạnh, nâng cao hiệu quả những mặt đã làm được, khắc phục và cải tiến những mặt còn hạn chế, tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, hướng đến thực hiện đầy đủ những cam kết đào tạo mà đã công khai với xã hội.

Cụ thể đúc rút những điểm mạnh và những điểm tồn tại trong công tác tự đánh giá CTĐT ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} như sau:

**1. Những điểm mạnh của CTĐT ngành {ten\_nganh\_kiem\_dinh}**

*1.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

Mục tiêu của ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} được xác định một cách rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐH KT-KT CN, phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH; Cụ thể hóa mục tiêu đào tạo của ngành chính là CĐR. CĐR của CTĐT ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} được xác định rõ ràng trong đó chỉ rõ những yêu cầu mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT; Mục tiêu, CĐR của CTĐT ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} được lấy ý kiến phản hồi và định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai bằng nhiều hình thức và phương tiện khác nhau.

*1.2. Bản mô tả chương trình đào tạo*

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần của ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} đầy đủ thông tin, cập nhật theo quy định, được rà soát và điều chỉnh để phù hợp với CTĐT, CĐR và được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Bản mô tả CTĐT giúp cho người học, nhà tuyển dụng, GV, cựu người học hiểu về CTĐT của ngành cũng như sự đóng góp của các học phần vào CĐR thông qua ma trận tích hợp CĐR của các học phần trong CTĐT.

*1.3. Cấu trúc và nội dung CTDH*

CTDH được thiết kế dựa trên CĐR với PPGD và đánh giá người học góp phần hỗ trợ cho việc đạt được CĐR. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR của ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} là rõ ràng, mỗi học phần đảm bảo cung cấp một lượng kiến thức nhất định cho người hoc. CTDH ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} có cấu trúc rõ ràng, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp, cấu trúc CTDH đảm bảo tỷ lệ cân đối giữa khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên môn ngành và khối kiến thức chuyên ngành. Tỷ lệ kiến thức lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành thí nghiệm được thiết kế cân đối, hợp lý, logic và chặt chẽ trong từng học phần.

*1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học*

Mục tiêu giáo dục của ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} là rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học của ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} được thiết kế phù họp để đạt được CĐR. PPGD đảm bảo tích hợp được việc giảng dạy các kỹ năng cá nhân, kỹ năng cộng đồng, hình thành thái độ vào việc dạy các kiến thức khoa học kỹ thuật. Việc xác định các tài nguyên, công cụ cần thiết cho các PPGD cũng được quan tâm nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng tư duy, thuyết trình, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

*1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học*

Các quy định về đánh giá KQHT của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học qua website, sổ tay người học... và người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT. Phương pháp đánh giá KQHT là đa dạng, đảm bảo được độ giá trị, độ tin cậy và công bằng và kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học chủ động có kế hoạch cải thiện việc học tập.

*1.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên*

Đội ngũ GV ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} ngày càng tăng về số lượng, trẻ hóa về tuổi đời, năng động, sáng tạo, có trình độ ngoại ngữ, tin học tốt, thường xuyên được Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, hỗ trợ về tài chính để bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Đội ngũ này được tuyển dụng theo các tiêu chí rõ ràng, công khai và được bổ nhiệm đúng quy trình, có phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn tốt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của vị trí công tác được phân công. Đây là một lực lượng hùng hậu đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo, NCKH, thể hiện ở tỷ lệ người học/GV đáp ứng tỷ lệ quy định của Bộ GD&ĐT và khối lương công viêc mà mỗi một GV đảm nhận hàng năm.

*1.7. Đội ngũ nhân viên (cán bộ hỗ trợ)*

Chất lượng của đội ngũ cán bộ hỗ trợ (làm việc tại trung tâm thông tin thư viện, các phòng thí nghiệm, trung tâm CNTT, cán bộ văn phòng , Điện tử và các dịch vụ hỗ trợ khác) đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng và được tuyển dụng theo quy định của Nhà trường theo các tiêu chí tuyển dụng được phổ biến công khai. Đội ngũ cán bộ hỗ trợ này thường xuyên được Nhà trường, đơn vị quản lý tạo điều kiện để đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nhằm ĐBCL của các hoạt động dịch vụ hỗ trợ.

*1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học*

Chính sách tuyển sinh đào tạo đại học ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} đáp ứng nhu cầu thực tế của ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} chế tạo. Các thông tin về kế hoạch tuyển sinh của ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} và các hướng chuyên sâu được công bố công khai và được cập nhật. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

Hội nghị NCKH SV của Khoa được tổ chức hàng năm giúp SV làm quen với hoạt động NCKH. Không ít các đề tài NCKH SV đạt giải cấp Khoa, cấp Trường. Bên cạnh đó, công tác CVHT, thực tập giúp SV học tập tốt hơn, học hỏi kinh nghiệm và rèn luyện kỳ năng thực tế.

Các CLB SV và hoạt động ngoại khóa của SV ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} được duy trì theo kế hoạch của khoa và Nhà trường giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của SV. Cử nhân tốt nghiệp ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} có khả năng đáp ứng nhu cầu thực tế.

*1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị*

Hệ thống cơ sở vật chất, các trang thiết bị các phòng Lab ở Lĩnh Nam được trang bị cơ bản đầy đủ, hiện đại với phần mềm và tai nghe, ti vi, máy tính kết nối internet, điều hòa,... Phòng làm việc của GV và các phòng chức năng có liên quan được hỗ trợ đầy đủ các thiết bị phục vụ cho GV làm việc, NCKH, hướng dẫn SV thực hành và cập nhật thông tin đào tạo cho SV. Cán bộ, GV, SV của Khoa được học tập và làm việc trong môi trường 5S.

*1.10. Nâng cao chất lượng*

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập có tính hệ thống. Thông qua các ý kiến đóng góp xây dựng của các bên liên quan làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt}. Quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR của ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt}. Các kết quả NCKH mang tính ứng dụng được áp dụng cho việc cải tiến hoạt động dạy và học.

*1.11. Kết quả đầu ra*

Căn cứ quy chế đào tạo của Nhà trường, tỉ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} được thống kê trong báo cáo công tác đào tạo năm học của giúp cho công tác giám sát hoạt động đào tạo và cải tiến chất lượng đào tạo của ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} có hiệu quả. Ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} có tỷ lệ SV tốt nghiệp ra trường đúng thời gian cao và đa phần SV đi làm ngay khi ra trường ở những đơn vị đúng chuyên ngành được đào tạo. Mức độ hài lòng của người tuyển dụng, của người học, GV được thống kê hàng năm nhằm giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt}.

**2. Những điểm tồn tại của chương trình đào tạo ngành {ten\_nganh\_kiem\_dinh}**

*2.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

Mục tiêu về thái độ học tập của SV ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} khi đang học và thái độ nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp chưa được thể hiện rõ ràng trong các ý kiến lấy khảo sát và trong mô tả mục tiêu của CTĐT ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt}.

Chưa có nhiều hình thức công bố rộng rãi CĐR của CTĐT.

*2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo*

Đề cương của các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành chưa có bản tiếng Anh để truyền đạt tới các bên liên quan (đặc biệt là các doanh nghiệp nước ngoài), hay giúp phục vụ cho chương trình trao đổi SV và đối sánh với đề cương của một số trường đại học uy tín quốc tế.

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần của ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} chưa được giới thiệu rộng rãi tới các đối tượng THPT trong cả nước do mới chỉ được triển khai ở khu vực miền Bắc là chủ yếu.

*2.3. Cấu trúc và nội dung CTDH*

Một số học phần như ngữ âm thực hành, Lý luận và PPGD, giao thoa văn hóa, đất nước học, … đang có sự tranh luận về phương pháp đánh giá dạng trắc nghiệm hay nói trực tiếp hay bài tập lớn nhằm đạt hiệu quả đánh giá cao nhất.

Việc lấy ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, cựu SV đối với nội dung các học phần nhằm đảm bảo đạt được CĐR và việc lấy ý kiến góp ý về CTDH từ các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các công ty liên doanh, có vốn nước ngoài chưa được thực hiện nhiều và hiệu quả.

*2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học*

Việc giới thiệu, phổ biến mục tiêu giáo dục của Nhà trường tới các doanh nghiệp sử dụng lao động còn chưa được rộng khắp và có chiều sâu;

Còn một số SV chưa chủ động tiếp thu kiến thức nhằm đạt CĐR.

Các đề tài NCKH thúc đẩy hoạt động dạy và học vẫn còn khiêm tốn.

*2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học*

Việc công bố công khai quy trình/kế hoạch/phương pháp đánh giá người học cho các bên liên quan (doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp) còn chưa đa dạng (mới chỉ thông qua website Trường).

Một số qui trình trong các văn bản, qui chế, qui định Nhà trường mới ban hành chưa được chỉ mục hóa và niêm yết riêng nên việc tìm kiếm chưa được nhanh chóng, tối ưu; phần mềm quản lý chưa theo kịp để đáp ứng công tác nghiệp vụ.

Thông báo quy định phản hồi KQHT cho CVHT để truyền đạt tới SV đôi khi còn chậm so với các hình thức khác.

*2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên*

Chiến lược phát triển của Trường chưa có quy hoạch chi tiết cho ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt}.

Chưa quy định hợp lý về khối lượng NCKH vượt định mức của GV. Số lượng bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước còn hạn chế, có xu hưởng giảm.

Một tỷ lệ nhỏ GV chưa thực sự quan tâm để đóng góp ý kiến xây dựng văn bản liên quan đến các tiêu chí tuyển dụng và đánh giá GV. Một số chưa hoàn thành NCKH hay các nhiệm vụ học tập trong kế hoạch đào tạo dài hạn do sức khỏe hoặc do điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, ốm đau, bệnh tật. Tỷ lệ số GV hoàn thành tốt hoặc xuất sắc nhiệm vụ chưa cao.

*2.7. Đội ngũ nhân viên (cán bộ hỗ trợ)*

Tỷ lệ hài lòng của SV đối với sự hỗ trợ của các nhân viên hỗ trợ chưa cao.

Một số vị trí việc làm của nhân viên chưa được điều chỉnh, bổ sung kịp thời về năng lực, kỹ năng làm việc để đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc, nâng cao hiệu quả công tác của các khoa, phòng ban và nhà trường.

*2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học*

Các thông tin về ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} chưa được cung cấp phong phú và hấp dẫn thí sinh, chưa có nhiều các hình thức quảng bá để thu hút thí sinh giỏi.

Khâu giám sát sự tiến bộ, hỗ trợ SV trong quá trình học tập thông qua CVHT chưa phát huy hiệu quả.

Công tác lấy ý kiến của SV các khóa đang theo học, cựu SV, GV của Khoa chưa được thường xuyên và liên tục. Việc mở rộng lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị sử dụng lao động cho đề án tuyển sinh hàng năm còn hạn chế.

*2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị*

Diện tích các sân bãi và phòng tập để rèn luyện sức khoẻ trên cơ sở Hà Nội còn hạn hẹp khi hoạt động phong trào, hoạt động thể dục thể thao.

Thư viện cần đa dạng sách liên quan đến môn học và những sách hay các thể loại nhằm giúp SV tích cực tới thư viện hơn.

Tài liệu số mới được triển khai nên số lượng chưa nhiều, chủ yếu là các tài liệu nội sinh của nhà trường.

Cần có thêm tài khoản phần mềm và tai nghe cho phòng Lab khi SV của khoa ngày càng đông hơn.

*2.10. Nâng cao chất lượng*

Qua trình rà soát, đánh giá việc thiết kế và phát triển CTDH năm 2022 chưa được thực hiện định kỳ và chưa được đối chiếu so sánh do Nhà trường mới bắt đầu xây dựng và thiết kế CTDH.

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan như GV, SV, cựu người học và doanh nghiệp còn chưa bài bản và hệ thống. Số lượng các bên liên quan được khảo sát còn hạn chế. Chất lượng phản hồi của các bên liên quan nhiều khi còn mang tính định tính, khó xác định.

Số lượng các bài báo khoa học đã công bố của GV trong 5 năm còn hạn chế.

Một bộ phận SV ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} chưa nhận thức đầy đủ về quyền lợi và trách nhiệm của việc tham gia đóng góp ý kiến để nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo của Nhà trường.

*2.11. Kết quả đầu ra*

Qua 4 năm đào tạo, chưa có SV tốt nghiệp trước hạn; còn một số SV tốt nghiệp trên 4 năm do SV chưa hoàn thành các điều kiện CĐR và vẫn còn nợ học phần.

Còn một lượng nhất định SV ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} sau khi ra trường chưa tìm được việc làm hoặc làm những công việc trái với chuyên môn đào tạo. Điều này cho thấy rằng cần phải giám sát, thảo luận để có biện pháp hỗ trợ SV trong quá trình học.

Các Doanh nghiệp chưa đầu tư vào hoạt động NCKH của GV và SV do đặc thù của ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} không có sản phẩm cụ thể.

***3. Kế hoạch cải tiến chất lượng***

Để khắc phục những tồn tại trên, khoa và nhà trường đã có kế hoạch từ năm học 2023 trở đi như sau:

***3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo***

Trong học kỳ 1, 2023-2024, sẽ tổ chức hội thảo chuyên đề về mục tiêu đào tạo ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} có sự tham gia của các doanh nghiệp và hiệp hội nghề nghiệp, trong đó sẽ có nội dung thảo luận lấy ý kiến đóng góp về thái độ của người học trong và sau khi tốt nghiệp để làm cơ sở điều chỉnh mục tiêu đào tạo trong lần điều chỉnh tiếp theo. Đồng thời, sẽ phối hợp với Phòng Chính trị & Công tác sinh viên, Phòng Khảo thí và ĐBCL, Đoàn thanh niên để bổ sung một số câu hỏi vào phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá về mức độ đạt CĐR của người học tốt nghiệp làm dữ liệu thực hiện đối sánh giữa các khóa tốt nghiệp trong chu kỳ 5 năm, từ đó làm cơ sở điều chỉnh CĐR đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. Phối hợp với Phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch chi tiết phổ biến rộng rãi CĐR của CTĐT bằng nhiều hình thức và có lộ trình cụ thể như: gửi Email đến các SV, cán bộ GV, các đơn vị liên quan trong Trường; đăng công khai trên Website Nhà Trường, trên các phương tiện thông tin đại chúng, các báo in, báo điện tử…

***3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo***

Trong học kỳ 1 năm học 20123-2024 cùng với Phòng Đào tạo, phòng Khảo thí và ĐBCL sẽ xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh bản mô tả CTĐT thông qua việc tổ chức khảo sát các bên liên quan (SV đang học, SV năm cuối, cựu SV, nhà sử dụng lao động, tổ chức XH nghề nghiệp, chuyên gia, GV, CBQL) về bản mô tả CTĐT đã xây dựng. Đồng thời, sẽ phối hợp với Phòng đào tạo lập kế hoạch biên dịch toàn bộ đề cương chi tiết của các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong CTĐT ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} sang tiếng Anh, dự kiến đến đầu học kỳ 1 năm học 2023-2024 có thể gửi bộ ĐCCT phiên bản tiếng Anh tới các chuyên gia để lấy ý kiến góp ý cho lần cập nhật, điều chỉnh tiếp theo. Ngoài ra, sẽ kết hợp với phòng Tuyển sinh và truyền thông đẩy mạnh hoạt động giới thiệu ngành nghề, công bố rộng rãi bản mô tả CTĐT, ĐCCT các học phần tới các trường THPT trong cả nước, đặc biệt cho các đối tượng học sinh ở miền Trung và miền Nam, bằng cách gửi thông tin các bản mô tả tới các Sở GD&ĐT, các trường THPT ở miền Trung, miền Nam và tổ chức các buổi giới thiệu thông tin tuyển sinh ở khu vực này.

***3.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học***

Trong học kỳ 1 năm học 2021-2022, sẽ phối hợp với Phòng khảo thí và ĐBCL tổ chức seminar phân tích, đánh giá các phương pháp đánh giá người học hiệu quả cho các học phần ngữ âm thực hành, Lý luận và PPGD, giao thoa văn hóa và một số học phần khác, làm cơ sở áp dụng trong học kỳ I năm học 2023-2024. Đồng thời, sẽ tiếp tục triển khai kế hoạch xin ý kiến góp ý của các bên liên quan, đặc biệt đối với nhà tuyển dụng, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội nghề nghiệp về nội dung các học phần, làm cơ sở để xây dựng điều chỉnh nội dung chương trình các học phần đáp ứng CĐR của CTĐT ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} . Ngoài ra, đến 8/2024 (trước đợt điều chỉnh CTDH tiếp theo), sẽ phối hợp với phòng ĐBCL, phòng công tác HSSV lập danh sách các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các công ty liên doanh, có vốn nước ngoài cần lấy ý kiến, đề xuất nội dung, kế hoạch khảo sát cụ thể để triển khai hiệu quả.

***3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học***

Trong 1 năm học 2023-2024, cùng với Phòng tuyển sinh và truyền thông thực hiện xây dựng các phiếu khảo sát và danh mục các doanh nghiệp sử dụng lao động có liên hệ với nhằm giúp việc khảo sát lấy ý kiến của đối tượng doanh nghiệp về mục tiêu giáo dục của Trường, Khoa được rộng khắp và có chiều sâu. Đồng thời, sẽ tổ chức đôn đốc, giám sát GV giảng dạy tăng cường hướng dẫn SV tự nghiên cứu tài liệu, viết báo cáo, thuyết trình trước lớp, rèn luyện tay nghề nhằm giúp SV chủ động tiếp thu kiến thức, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp để hướng tới đạt CĐR một cách hiệu quả. Ngoài ra, và các bộ môn sẽ tiếp tục thực hiện tổ chức các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học cho các học phần chuyên ngành có KQHT chưa cao, đề xuất biện pháp phát huy hoạt động dạy gắn với doanh nghiệp nhiều hơn nữa.

***3.5. Đánh giá kết quả học tập của người học***

Trong học kỳ 1 năm học 2023-2024, sẽ lập kế hoạch tổ chức 01 hội thảo bàn về nâng cao hiệu quả sử dụng PPGD và đánh giá KQHT của người học, thông qua đó công bố rộng rãi các nội dung về phương pháp đánh giá KQHT tới các bên liên quan. Đồng thời, sẽ phối hợp với phòng Đào tạo rà soát lại các qui trình liên quan đến kiểm tra, đánh giá KQHT, của người học; xây dựng bảng chỉ mục cho các qui trình, công bố trên website nhà trường để SV tiện tra cứu. Ngoài ra, sẽ rà soát toàn bộ ngân hàng đề thi, bổ sung thêm số lượng câu hỏi trong ngân hàng đề thi cho phù hợp với thời lượng từng chương của học phần. Bên cạnh đó, sẽ phối hợp với Phòng Chính trị & Công tác sinh viên quản lý, giám sát chặt chẽ việc thông báo các quy định phản hồi KQHT tới CVHT và SV đảm bảo nhanh chóng, đúng thời hạn. Đặc biệt, Nhà Trường và sẽ đề nghị bộ phận quản trị phần mềm, nâng cấp phần mềm để khắc phục tồn tại về phúc khảo bài thi kiểm tra trình độ tiếng anh đầu vào; đồng thời tiếp tục duy trì ứng dụng phần mềm trong việc tiếp nhận, giải quyết khiếu nại của SV về KQHT.

***3.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên***

Trong Quý 1 năm 2024, Ban chủ nhiệm Khoa làm việc với phòng Tổ chức cán bộ và đề xuất BGH xin điều chỉnh chiến lược, chi tiết hóa thành các phụ lục nhân sự cho từng ngành đào tạo. Đồng thời, Nhà Trường cùng với sẽ phối hợp với các phòng chức năng sơ kết đánh giá việc thực hiện chiến lược của Trường giai đoạn 2020-2025 và bổ sung các phụ lục để có định hướng phát triển nguồn nhân sự cho từng ngành đào tạo. Ngoài ra, đến quý 1 năm 2024, sẽ gửi đề xuất tới Ban giám hiệu, phòng về việc điều chỉnh bổ sung các công việc như biên soạn TLHT, học phần từ xa và bảo lưu số giờ NCKH để bắt đầu áp dụng từ năm học 2023-2024. Bên cạnh đó, để khắc phục tình trạng GV cao tuổi ốm không tiếp tục thực hiện đề tài NCKH, Hội đồng khoa khi xét duyệt các đề tài NCKH sẽ yêu cầu GV cao tuổi kết hợp với GV trẻ cùng thực hiện một đề tài NCKH. Đặc biệt, sẽ phối hợp với phòng Khoa học – Công nghệ, Tạp chí KHCN của Nhà trường tổ chức các buổi thảo luận, hội thảo, chuyên đề về triển khai hướng dẫn giới thiệu các Tạp chí chuyên ngành Điệnđể các GV viết bài báo khoa học trong nước. Đồng thời Khoa giao nhiệm vụ cho các Bộ môn và các GV thực hiện nghiêm túc việc viết bài báo chuyên ngành để đảm bảo quy đổi giờ NCKH theo đúng quy định, đảm bảo thực hiện đầy đủ khối lượng NCKH hàng năm của GV. Về hoạt động đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, Khoa sẽ đề xuất với Nhà trường có những chính sách hỗ trợ về thời gian cho các GV đang đi học tập dài hạn nâng cao trình độ. Công đoàn sẽ trích một phần quỹ công đoàn Khoa để hỗ trợ về kinh phí cho các GV gặp khó khăn đặc biệt khi đi học tập dài hạn nâng cao trình độ. Mặt khác, Trường và khoa sẽ tiếp tục triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc và đánh giá kết quả công việc của từng GV công khai minh bạch. Hàng năm, Ban lãnh đạo khoa sẽ phối hợp công đoàn bộ phận trao đổi tuyên truyền, tâm sự, động viên để nâng cao nhận thức và trách nhiệm GV trong khoa trong thực hiện quyền dân chủ trong đóng góp xây dựng văn bản của nhà Trường, đặc biệt các văn bản về tiêu chí tuyển dụng đánh giá năng lực GV.

***3.7. Đội ngũ nhân viên (cán bộ hỗ trợ)***

Trong quý 3 năm 2023 tổ chức thảo luận cùng các phòng ban chức năng liên quan để tìm hiểu nguyên nhân và đề ra các biện pháp tăng cường chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ nhằm hướng tới sự hài lòng của SV và cán bộ GV. Ngoài ra, cũng đến quý 3 năm 2023, phòng Tổ chức cán bộ phối hợp với các khoa, phòng ban tổ chức việc rà soát các yêu cầu, tiêu chuẩn, năng lực từng vị trí việc làm của nhân viên, hoàn thành việc chỉnh sửa Đề án vị trí việc làm căn cứ cho việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên, đáp ứng tốt nhu cầu của khoa, phòng ban và định hướng phát triển của Nhà trường. Đồng thời, Ban lãnh đạo khoa, Công đoàn phối hợp cùng các đơn vị tuyên truyền vận động các nhân viên kỹ thuật viên nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc tham gia vào quá trình đóng góp ý kiến xây dựng các văn bản quy định các tiêu chí, quy trình đánh giá năng lực của nhân viên. Đối với hoạt động bồi dưỡng nâng cao trình độ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, Công Đoàn cùng với Công đoàn các đơn vị khác sẽ thường xuyên tìm hiểu hoàn cảnh gia đình của các nhân viên nhằm động viên, khích lệ và hỗ trợ cả về tinh thần và vật chất để các nhân viên tích cực hơn nữa trong học tập dài hạn, hoàn thành theo đúng tiến độ đã đăng ký.

***3.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học***

Từ năm học 2023-2024, Nhà trường sẽ cải tiến phương thức truyền thông, bổ sung các thông tin về ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} nhằm thu hút thí sinh đăng ký tuyển sinh. Đồng thời ban hành các chính sách hỗ trợ nhằm khuyến khích động viên các GV tích cực tham gia công tác tuyên truyền tuyển sinh về ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt}. Ngoài ra, từ tháng 06/2023, phòng Tuyển sinh và truyền thông sẽ phối hợp với lập kế hoạch lấy ý kiến các đơn vị sử dụng lao động có liên quan đến ngành tuyển sinh, trình BGH phê duyệt và triển khai thực hiện sớm. Đồng thời, trong năm học 2023 – 2024, Nhà trường sẽ ban hành các quy định đưa ra trình tự các bước giám sát sự tiến bộ của người học mà CVHT phải thực hiện nhằm nâng cao trách nhiệm của CVHT. Nhà trường và phối hợp đôn đốc CVHT để phát huy vai trò và trách nhiệm trong việc tư vấn và hỗ trợ SV trong quá trình học để nâng cao hiệu quả việc tư vấn hỗ trợ học tập cho SV thông qua CVHT. Bên cạnh đó, sẽ phối hợp với phòng Hành chính quản trị, phòng Công tác SV gửi phiếu khảo sát tới các SV theo học tại Khoa thuộc các khóa và cựu SV của khoa, các GV, các doanh nghiệp Khoa đã liên kết 1 năm/lần trước khi năm học mới diễn ra. Đồng thời tổng hợp ý kiến phản hồi, trao đổi, thảo luận và có những điều chỉnh cần thiết trước khi năm học mới diễn ra.

***3.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị***

Nhà trường ngày càng đầu tư vào cơ sở vật chất phòng học, phòng thực hanhf, điều hòa cho CBGV và SV. Ngoài ra, Nhà trường sẽ đầu tư thay thế phần mềm quản lý thư viện, làm lại kho dữ liệu, mở rộng mặt bằng thư viện tại cơ sở Lĩnh Nam. Bổ sung nguồn tài liệu đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành đào tạo {ten\_viet\_tat\_ctdt}. Bên cạnh đó, Nhà trường sẽ lên kế hoạch mua bổ sung thêm máy tính, máy chủ, các modem phát wifi. Bổ sung thêm 04 đường truyền dung lượng cao dành riêng cho phát sóng wifi. Đặc biệt, Nhà trường sẽ đầu tư thêm các thiết bị cho phòng tập tại cơ sở Hà Nội, Nam Định để rèn luyện sức khoẻ cho cán bộ, GV và SV.

***3.10. Nâng cao chất lượng***

Từ năm học 2023-2024, Nhà trường sẽ tiến hành rà soát đánh giá việc thiết kế và phát triển CTDH định kỳ 2 năm 1 lần. Đồng thời, từ học kỳ 1 năm học 2023-2024, sẽ phối hợp với Phòng Chính trị và Công tác SV cùng các phòng, ban liên quan tích cực lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để kịp thời điều chỉnh quá trình dạy học, đảm bảo sự tương thích và phù hợp của CTĐT với CĐR. Bên cạnh đó, thông qua CVHT, cán bộ lớp và mạng xã hội, sẽ thiết lập mạng lưới liên lạc với các cựu SV để cải tiến công tác tổ chức lấy ý kiến phản hồi cho đối tượng này. Ngoài ra, trong năm học 2023-2024, Khoa sẽ đề ra các chính sách để tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình công tác nhằm giúp các GV trong Khoa có thể chủ trì các đề tài NCKH cấp cơ sở, đặc biệt đối với những GV lần đầu đăng ký chủ nhiệm đề tài NCKH mà kết quả nghiên cứu được ứng dụng để cải tiến dạy và học của khoa. Đặc biệt, trong năm học 2023-2024, Nhà trường sẽ thực hiện nâng cấp phần mềm quản lý thư viện, nâng cấp hệ thống mạng wifi đảm bảo nâng cao chất lượng truy cập nhằm đáp ứng được nhu cầu truy cập của bạn đọc. Mặt khác, sẽ triển khai việc đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền về quyền lợi và trách nhiệm của người học khi tham gia đóng góp ý kiến để nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo.

***3.11. Kết quả đầu ra***

Từ năm học 2022 – 2023, Phòng Chính trị và Công tác SV là đơn vị quản lý phối hợp với Khoa cử những GV có kinh nghiệm quản lý, thâm niên công tác làm CVHT để có thể đảm bảo tư vấn và hỗ trợ SV ổn định tâm lý, yên tâm đối với ngành học đã lựa chọn; có thể theo dõi, giám sát chặt chẽ tình trạng học tập của SV từ đó đôn đốc nhắc nhở đối với những SV có nguy cơ không tốt nghiệp đúng hạn thực hiện đăng ký học lại, học cải thiện vào học kỳ phụ góp phần hạn chế tỷ lệ SV thôi học, không tốt nghiệp. Ngoài ra, bắt đầu từ năm học 2023 – 2024, Khoa sẽ yêu cầu các CVHT đầu năm học phải thống kê được các đối tượng SV có nguy cơ tốt nghiệp không đúng hạn (SV nợ môn, có nhiều điểm kém, hay trốn học..) để tiến hành hỗ trợ kịp thời. Thông qua việc liên lạc trực tiếp với SV hoặc gia đình để đảm bảo yêu cầu SV phải tham gia các buổi họp lớp do CVHT chủ trì tổ chức các biện pháp hỗ trợ. Bên cạnh đó, và Nhà trường sẽ tiếp tục duy trì việc khảo sát tình trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp cũng như thu thập thông tin từ các bên liên quan nhằm cải tiến chất lượng đào tạo. Từ các thông tin thu thập tiến hành đổi mới CTĐT, tăng cường thời gian thực hành, thực tập, rèn luyện kỹ năng mềm cho SV nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội. Đặc biệt, trong học kỳ 1 năm học 2023 – 2024, Nhà trường và sẽ chủ động lập đề án đề xuất các các Doanh nghiệp đầu tư cho NCKH của SV với những đề tài phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, có tính khả thi, có thể ứng dụng được trong giảng dạy học tập và sản xuất thực tế tại doanh nghiệp. Mặt khác, để nâng cao và cải tiến chất lượng đào tạo, Nhà trường, cùng các phòng ban sẽ tổ chức các buổi gặp gỡ trao đổi lấy ý kiến của các bên liên quan một cách thường xuyên hơn, với số lượng phiếu nhiều hơn và điều chỉnh các tiêu chí khảo sát ở các mẫu nhằm đảm bảo tính cập nhật.

**4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT**

Căn cứ vào bộ Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường đại học của Bộ GD&ĐT, tổng hợp kết quả đánh giá của 11 tiêu chuẩn gồm 50 tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá nhận thấy cả 50 tiêu chí đều đạt. Với những kết quả tự đánh giá theo từng tiêu chí như trên, trường ĐH KT-KT CN và Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} trân trọng đề nghị Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục cùng các cơ quan chức năng cho phép tiến hành các bước tiếp theo để CTĐT ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} được công nhận là đạt tiêu chuẩn chất lượng.

Kết quả cụ thể của từng tiêu chuẩn và tiêu chí trong tự đánh giá CTĐT ngành {ten\_viet\_tat\_ctdt} như sau:

**4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo**

*(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT)*

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Mã: DKK, DKD

Tên CTĐT: {ten\_nganh\_kiem\_dinh}

Mã CTĐT đại học: {ma\_nganh\_kiem\_dinh}

{HTML bang\_tong\_hop\_ket\_qua\_tu\_danh\_gia\_html}

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Hà nội, {ngay\_hien\_hanh}* |

**PHẦN IV. CÁC PHỤ LỤC**